

Bản án số: 42/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 31-5-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Chủ

2. Ông Đào Hoàng Khương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp K, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin vắng mặt

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp K, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2016 bà và ông Đ có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đầm ấm được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm với nhau dẫn đến không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, bất hòa. Nay bà T xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, cuộc sống không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh Đ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên **Nguyễn Minh Đ1**, sinh ngày 04/8/2017, giới tính nam, hiện con chung đang sống cùng bà **T** cuộc sống được đảm bảo. Bà **T** yêu cầu được nuôi dưỡng cháu **Đ1**, không yêu cầu ông **Đ** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai đề ngày 04/4/2024, bị đơn ông Nguyễn Minh Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của bà **T**, vào năm 2016 ông và bà **T** có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, bất hòa. Nay bà **T** yêu cầu ly hôn thì ông thống nhất ly hôn.

Về quan hệ con chung: Thống nhất giao con chung tên **Nguyễn Minh Đ1**, sinh ngày 04/8/2017, giới tính nam cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Nguyễn Thị T** với ông **Nguyễn Minh Đ**. Về con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Minh Đ1**, sinh ngày 04/8/2017, giới tính nam cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng, ông **Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông **Đ** được quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T** và bị đơn ông **Nguyễn Minh Đ** có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét vắng mặt bà **T**, ông **Đ**.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà **Nguyễn Thị T** yêu cầu xin ly hôn, giải quyết con chung với ông **Nguyễn Minh Đ** nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, bà **T** và ông **Đ** chung sống như vợ chồng từ năm 2016 đến nay, ông bà có đủ các điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện

đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết hôn nhân của ông bà. Bà **T**, ông **Đ** không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Nguyễn Thị T** và ông **Nguyễn Minh Đ**.

[4] *Về quan hệ con chung*: Bà **T**, ông **Đ** xác định vợ chồng có 01 người con chung tên **Nguyễn Minh Đ1**, sinh ngày 04/8/2017, giới tính nam. Qua xác minh, hiện cháu **Nguyễn Minh Đ1** đang sống chung cùng bà **T** cuộc sống được đảm bảo. Vì vậy, xét về lợi ích mọi mặt và để đảm bảo cuộc sống cho cháu **Đ1** nên căn cứ Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên giao cháu **Đ1** cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng, ông **Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con, ông **Đ** có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí xin ly hôn*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà **Nguyễn Thị T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005441 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1-** Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Nguyễn Thị T** với ông **Nguyễn Minh Đ**.

**2-** Về con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Minh Đ1**, sinh ngày 04/8/2017, giới tính nam cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng (cháu **Đ1** hiện đang sống với bà **T** cuộc sống đảm bảo), ông **Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông **Đ** có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

**3-** Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**4-** Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005441 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

**5-** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Nguyễn Thị Phượng**





